

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính
trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(thực hiện khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;**Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;**Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2021/QH13, được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;**Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;**Xét Tờ trình số 424/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức tiền
phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa
cháy; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-BPC ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Ban
Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số
479/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà
Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;**Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức tiền phạt đối với
một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên
địa bàn thành phố Hà Nội.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định mức tiền phạt áp dụng đối với một số hành vi
vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành
phố Hà Nội được quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và
cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết tắt là *Nghị định số 106/2025/NĐ-CP*).

2. Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

3. Hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này được áp dụng theo quy định của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại Điều 5 Nghị quyết này, xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Mức tiền phạt

1. Mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này từ 1,2 lần đến 2 lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Hà Nội nhưng không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

2. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 của Nghị quyết là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức tiền phạt của tổ chức gấp 02 lần mức tiền phạt đối với cá nhân.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng về thẩm quyền xử phạt

Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

Điều 5. Các hành vi vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt

Áp dụng mức tiền phạt theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với 69 hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ chi tiết được nêu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

b) Tổ chức tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố phối hợp tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 của Nghị quyết đã được lập Biên bản vi phạm hành chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức tiền phạt quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp Chính phủ có điều chỉnh, sửa đổi đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của Chính phủ.

c) Trường hợp pháp luật có điều chỉnh quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục**CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY ÁP DỤNG MỨC TIỀN PHẠT CAO HƠN
MỨC TIỀN PHẠT QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2025/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND tháng 11 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 4.500.000 đồng đối với hành vi không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các đối tượng quy định tại Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hằng năm cho đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì nội quy, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được niêm yết.
4. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành hoặc không niêm yết nội quy, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
5. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành không bảo đảm số người theo quy định.
6. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi cơ quan, tổ chức hoạt động trong cơ sở không cử người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.
7. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với hành vi không phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy có dưới 20 người thường xuyên làm việc.
8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

9. Phạt tiền từ 32.000.000 đồng đến 48.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

10. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 10.500.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

11. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại văn bản kiến nghị đề cơ sở khắc phục những tồn tại, hạn chế.

12. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện tự kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy định kỳ.

13. Phạt tiền từ 32.000.000 đồng đến 48.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành việc đình chỉ hoạt động có thời hạn tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của người có thẩm quyền.

14. Phạt tiền từ 32.000.000 đồng đến 48.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

15. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không bảo đảm khoảng cách phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

16. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hàn, cắt kim loại mà không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

17. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện, thiết bị đóng ngắt, bảo vệ không bảo đảm an toàn phòng cháy.

18. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 22.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì thiết bị điện phòng nổ đã được trang bị, lắp đặt.

19. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sắp xếp hoặc bố trí chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm theo quy định.

20. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bảo quản chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng, khối lượng theo quy định.

21. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bảo quản hoặc sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định.

22. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi để hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ có chỉ số nguy hiểm cháy, nổ vượt quá giới hạn dưới của giới hạn nồng độ bắt cháy.

23. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

24. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì thiết bị phát hiện rò rỉ chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đã được trang bị, lắp đặt.

25. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì thiết bị, hệ thống chống tĩnh điện đã được trang bị, lắp đặt.

26. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt thiết bị phát hiện rò rỉ chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

27. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi san, chiết, nạp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định.

28. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi san, chiết, nạp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ sang thiết bị chứa không đúng chủng loại hoặc không phù hợp với loại chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

29. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sắp xếp, bố trí chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên phương tiện vận chuyển không bảo đảm an toàn phòng cháy.

30. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 10.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy của phương tiện giao thông khi vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

31. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng hóa khác cùng với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ mà không được phép trên cùng một phương tiện giao thông.

32. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi chở người không có nhiệm vụ trên phương tiện giao thông vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

33. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy khi bốc, dỡ, bơm, chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ra khỏi phương tiện giao thông.

34. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì các biện pháp an toàn phòng cháy cho thiết bị, đường ống chuyển chất khí, chất lỏng dễ cháy, nổ.

35. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi bốc, dỡ, bơm, chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ tại địa điểm không bảo đảm an toàn phòng cháy.

36. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển đổi, bổ sung công năng hoặc cải tạo công trình, hạng mục công trình trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

37. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi Hoán cải phương tiện giao thông trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

38. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

39. Phạt tiền từ 32.000.000 đồng đến 48.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

40. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ không bảo đảm theo quy định.

41. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

42. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 10.500.000 đồng đối với hành vi trang bị, lắp đặt đèn, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn không bảo đảm theo quy định.

43. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành không bảo đảm theo quy định.

44. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

45. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

46. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì hoạt động của thiết bị báo cháy độc lập đã được trang bị, lắp đặt.

47. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì hoạt động của thiết bị thuộc hệ thống báo cháy đã được trang bị, lắp đặt.

48. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì hoạt động của thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt.

49. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đưa phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới vào trực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

50. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi bảo quản, bảo dưỡng hệ thống báo cháy không bảo đảm nội dung theo quy định.

51. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi bảo quản, bảo dưỡng hệ thống chữa cháy không bảo đảm nội dung theo quy định.

52. Phạt tiền từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng đối với hành vi bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy cơ giới không bảo đảm nội dung theo quy định.

53. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống thông gió thoát khói không bảo đảm theo quy định.

54. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống tạo áp suất dư cho khu vực cần chống nhiễm khói không bảo đảm theo quy định.

55. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 37.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì thông gió tự nhiên hoặc không duy trì hệ thống thông gió thoát khói đã được trang bị, lắp đặt.

56. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 37.500.000 đồng đối với hành vi không duy trì hệ thống tạo áp suất dư cho khu vực cần chống nhiễm khói đã được trang bị, lắp đặt.

57. Phạt tiền từ 36.000.000 đồng đến 48.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì giải pháp thông gió cho khu vực sản xuất, bảo quản, kinh doanh, sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đã được trang bị, lắp đặt.

58. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 4.500.000 đồng đối với hành vi lắp gương trên đường thoát nạn.

59. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 4.500.000 đồng đối với hành vi của đi trên lối ra thoát nạn không mở theo chiều thoát nạn.

60. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi để vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác không bảo đảm khoảng cách phòng cháy, chữa cháy.

61. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không dọn sạch chất dễ cháy nằm trong hành lang an toàn tuyến ống dẫn dầu mỏ, khí đốt và sản phẩm dầu mỏ.

62. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt ống dẫn khí cháy, chất lỏng cháy tại khu vực không được phép hoặc không bảo đảm an toàn phòng cháy.

63. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các nhà và công trình.

64. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có bộ phận ngăn cháy, trừ hành vi quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định 106/2025/NĐ-CP.

65. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 22.500.000 đồng đối với hành vi lấn chiếm hoặc bố trí vật cản gây cản trở hoạt động của phương tiện chữa cháy cơ giới.

66. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 22.500.000 đồng đối với hành vi cố ý báo cháy giả.

67. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 22.500.000 đồng đối với hành vi không báo cháy.

68. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cản trở lực lượng và phương tiện chữa cháy thực hiện chữa cháy.

69. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc tham gia chữa cháy để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.hanoi.gov.vn